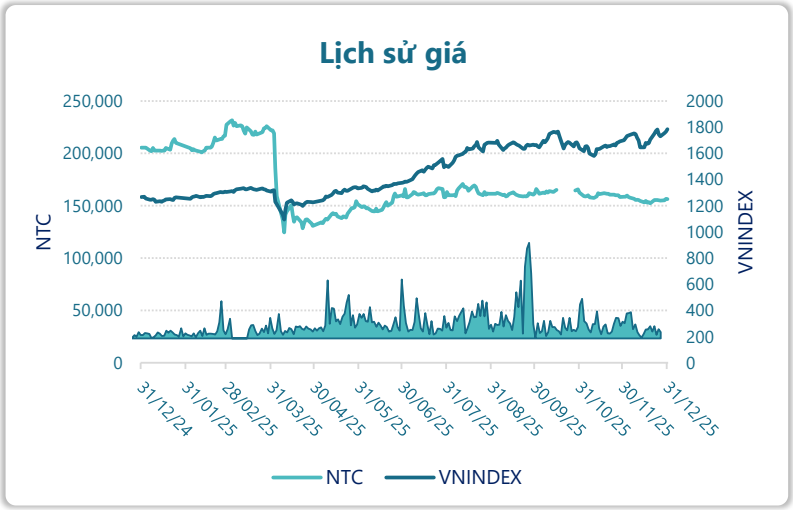
FireAnt

CTCP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên (HSX: NTC)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**156,400**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	
SL cổ phiếu LH	23,999,980
KLGD BQ 20 phiên (CP)	13,570
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,754
P/E	10.4
EPS	15,001

DT thuần

Q4/25

209

tỷ VNĐ

QoQ: ▼20.0| -8.8%

YoY: ▲ 16.0| 8.3%

LN sau thuế

Q4/25

65.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼60.2| -47.8%

YoY: ▼56.2| -46.1%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

62.0%

+/- YoY: ▼ 33.1%

DT thuần

2025

716

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 348| 94.6%

LN sau thuế

2025

360

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 67.0| 23.0%

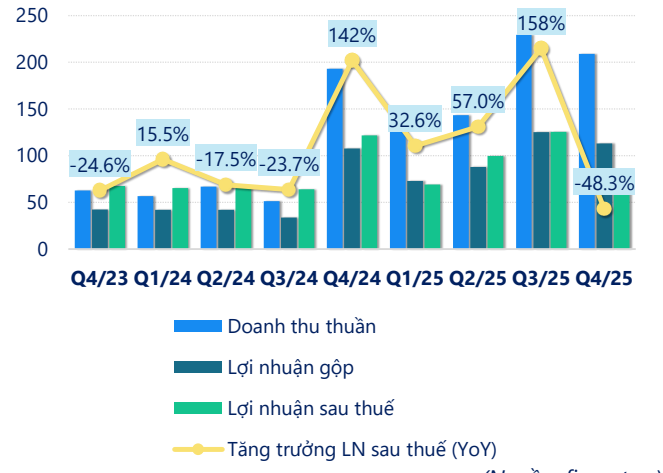
ROE

2025

29.6%

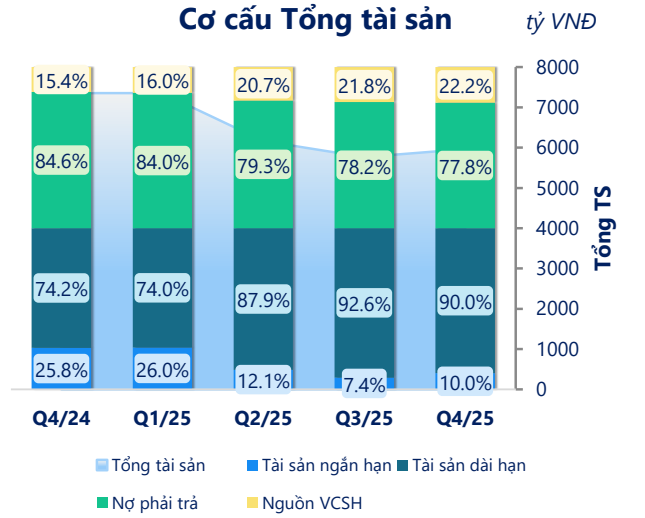
+/- YoY: ▲ 1.3%

Kết quả kinh doanh



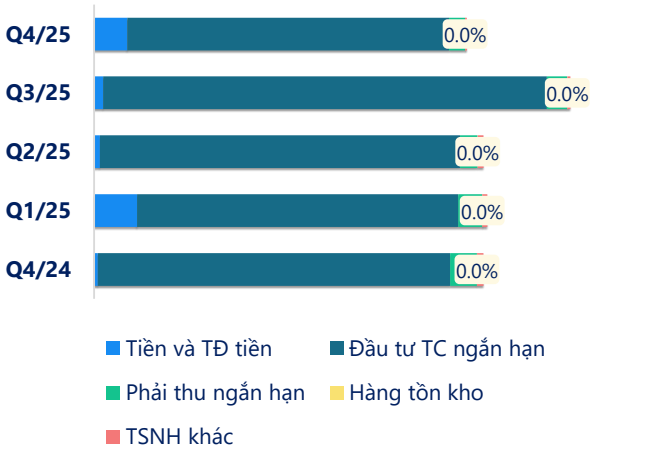
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



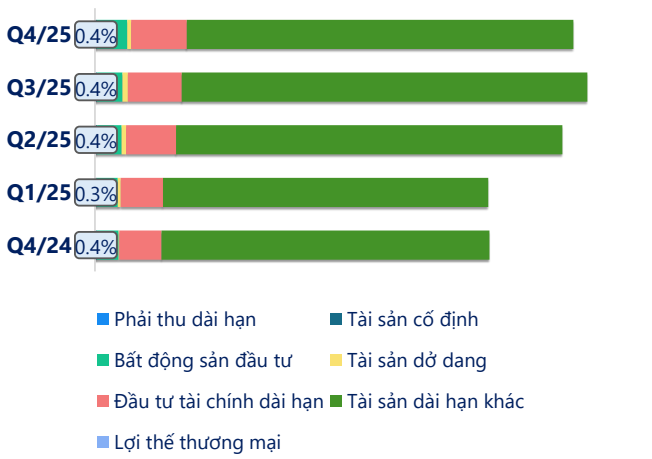
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



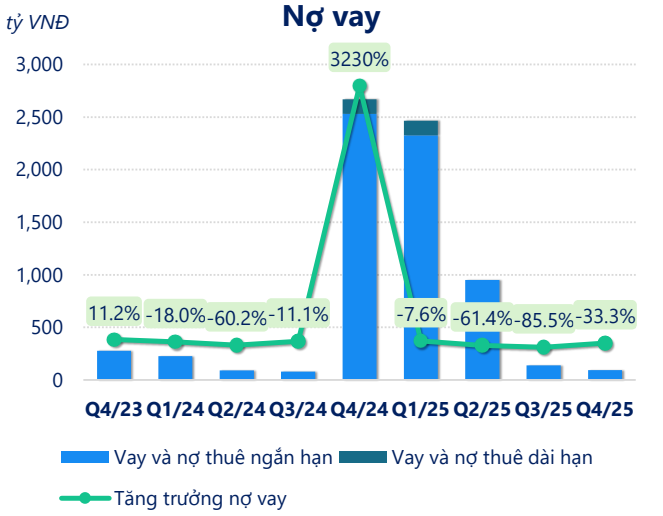
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



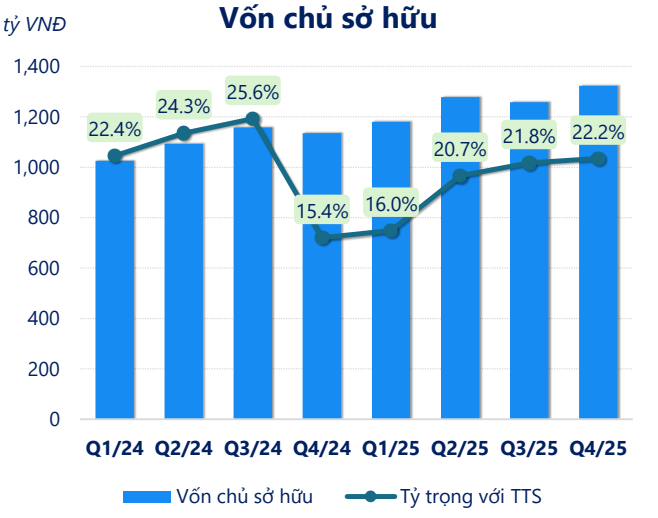
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



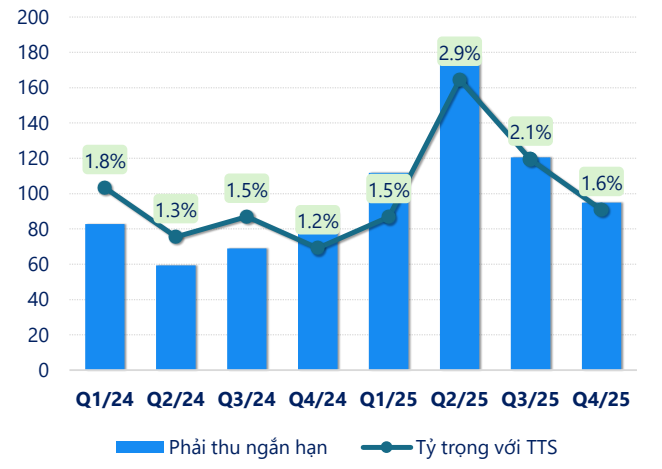
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



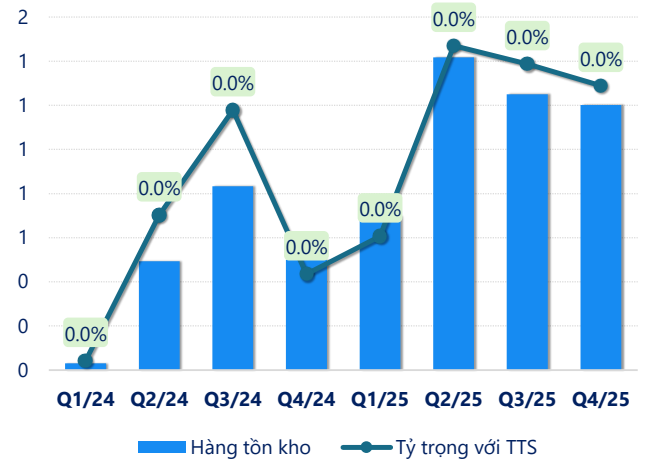
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



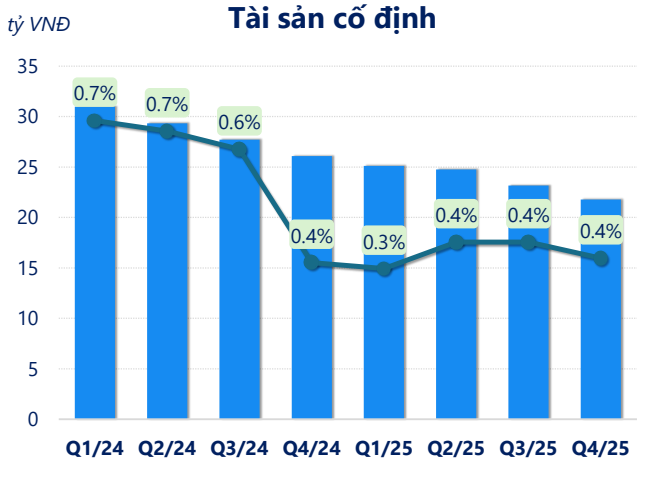
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



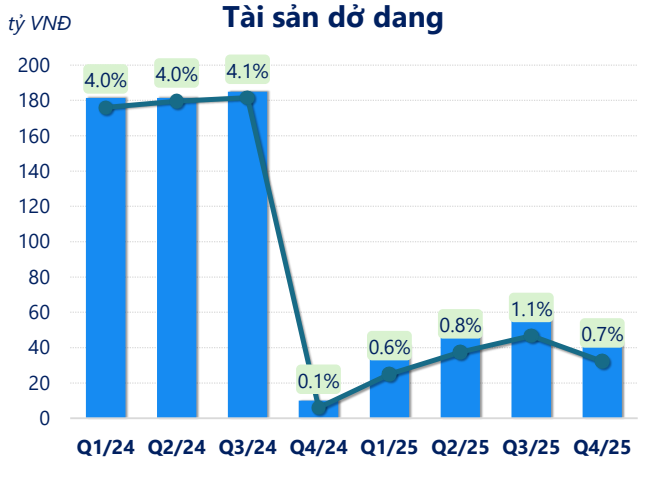
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



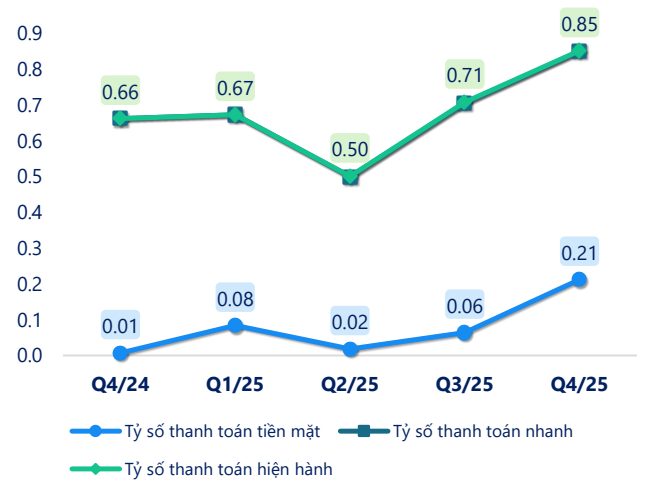
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**7,353**	**7,353**	**6,166**	**5,767**	**5,968**
Tài sản ngắn hạn	**1,898**	**1,914**	**748**	**426**	**600**
Tiền và tương đương tiền	20.2	238	27.5	38.7	149
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,779	1,542	535	266	323
Phải thu ngắn hạn	88.9	112	178	120	94.8
Hàng tồn kho	0.50	0.70	1.42	1.25	1.20
Tài sản ngắn hạn khác	9.59	22.0	5.97	0	31.1
Tài sản dài hạn	**5,455**	**5,439**	**5,419**	**5,342**	**5,368**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	26.1	25.1	24.8	23.2	21.8
Bất động sản đầu tư	300	291	283	275	341
Tài sản dở dang	9.94	41.5	51.9	60.6	43.3
Đầu tư tài chính dài hạn	583	583	582	582	626
Tài sản dài hạn khác	4,536	4,498	4,477	4,401	4,336
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**6,218**	**6,173**	**4,889**	**4,510**	**4,644**
Nợ ngắn hạn	**2,866**	**2,843**	**1,493**	**602**	**704**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,530	2,327	951	138	92.0
Phải trả người bán ngắn hạn	2.64	0.73	5.16	2.15	5.61
Nợ dài hạn	3,352	3,330	3,396	3,908	3,940
Vay và nợ thuê dài hạn	138	138	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,135**	**1,180**	**1,278**	**1,258**	**1,323**
Vốn chủ sở hữu	**1,135**	**1,180**	**1,278**	**1,258**	**1,323**
Vốn điều lệ	240	240	240	240	240
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)